

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1685/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Nhà văn Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

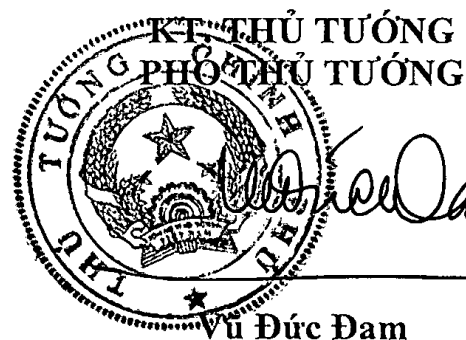
Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Nhà văn Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2020. Điều lệ này thay thế Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Nhà văn Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ IX thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2015.

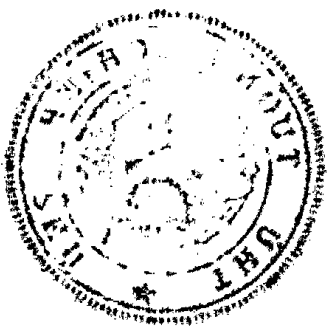
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1808/QĐ-BNV ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP,
TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, TCCV, QHĐP, PL;
- Lưu: Văn thư, KGVX (03). 408







THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số: 1685 /QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Nhà văn Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Viet Nam Writers' Association.
3. Tên viết tắt là: VWA.
4. Biểu tượng: Hội Nhà văn Việt Nam có biểu tượng riêng và được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Nhà văn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân Việt Nam là các nhà văn, được thành lập nhằm mục đích tập hợp đoàn kết và động viên hội viên phát huy trí tuệ và tài năng để xây dựng nền văn học Việt Nam yêu nước, nhân văn, dân chủ, đổi mới, sáng tạo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; góp phần xây dựng nền văn học Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội tôn trọng phong cách riêng của mỗi nhà văn và khuyến khích đổi mới trong sáng tạo văn học, nhằm phục vụ Nhân dân, phục vụ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, vì hòa bình và hợp tác hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội: Số 9 Nguyễn Đình Chiểu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hoạt động trong phạm vi cả nước, trong lĩnh vực văn học theo quy định của pháp luật.

2. Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong lĩnh vực văn học và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội có quan hệ hoạt động về chuyên môn với các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành, các Hội văn học nghệ thuật địa phương và các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Hội có quan hệ với các Hội Nhà văn, các tổ chức văn học và các nhà văn nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau đóng góp vào tình hữu nghị giữa các nền văn học trên thế giới.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
3. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của hội viên.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý, chỉ đạo các cơ quan trực thuộc Hội, Chi hội và hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

7. Kiến nghị với Nhà nước trong việc xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật và các giải thưởng khác cho các nhà văn theo quy định của pháp luật.

8. Xét tặng giải thưởng hàng năm cho các tác phẩm văn học có chất lượng cao theo quy định của Hội và của pháp luật.

9. Khen thưởng và kỷ luật đối với tổ chức, cơ quan trực thuộc Hội, Chi hội, hội viên và cán bộ nhân viên thuộc Hội; khen thưởng tập thể, cá nhân là công dân Việt Nam đang sống ở trong nước và nước ngoài có đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp phát triển văn học nước nhà theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

10. Quyết định những vấn đề về kế hoạch tài chính, tài sản của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

11. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật; hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế của Hội.

4. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hoà giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Bảo vệ quyền hành nghề và quyền tác giả của hội viên được quy định trong pháp luật nhằm phát huy tính sáng tạo với tinh thần trách nhiệm cao của hội viên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

9. Tạo điều kiện tinh thần và vật chất để hỗ trợ công việc sáng tác, giúp hội viên gắn bó chặt chẽ với sinh hoạt chính trị - xã hội của đất nước, với đời sống của Nhân dân.

10. Củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế theo quy định của cấp có thẩm quyền để trao đổi, giới thiệu tác phẩm và học tập kinh nghiệm.

11. Thường xuyên phát triển hội viên.

12. Tổ chức tương trợ trong hoạt động và sinh hoạt của hội viên. Quan tâm đến đời sống các nhà văn cao tuổi, đau yếu, gặp khó khăn và có biện pháp giúp đỡ thích hợp.

13. Chú trọng, phát hiện và giúp đỡ các tài năng văn học trẻ và văn học các dân tộc thiểu số.

14. Hằng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất vào ngày 01 tháng 12.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức của Hội: Công dân Việt Nam là các nhà văn có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên: Công dân Việt Nam là các nhà văn hoạt động trong lĩnh vực văn học Việt Nam, lấy hoạt động sáng tạo văn học vì quyền lợi của dân tộc Việt Nam, có tác phẩm đã xuất bản có giá trị (có ít nhất 02 tác phẩm đã xuất bản riêng, được đánh giá tốt).

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội đầu tư sáng tác, nhận giải thưởng theo quy định của Hội, đề nghị Hội bảo vệ quyền hành nghề, quyền tác giả theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động nghề nghiệp do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên của Hội.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Đóng góp tích cực, trách nhiệm, cụ thể cho quá trình xây dựng và phát triển nền văn học Việt Nam qua các hoạt động sáng tác, nghiên cứu, phê bình và dịch thuật văn học.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

4. Phát hiện, bồi dưỡng lực lượng sáng tác trẻ.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Công dân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội phải làm đơn xin gia nhập Hội, có Tiểu sử văn học (theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định), Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền nơi cư trú) và được 02 (hai) hội viên của Hội giới thiệu, hoàn thành thủ tục đăng ký và được Ban Chấp hành xem xét, đồng ý kết nạp vào Hội;

b) Căn cứ tiêu chuẩn theo quy định, Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp hội viên trên cơ sở đề nghị của các Hội đồng chuyên môn, các Ban chức năng và Chi hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội

a) Tự nguyện ra khỏi Hội: Hội viên làm đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định cho ra khỏi Hội;

b) Ban Chấp hành Hội xem xét khai trừ hội viên ra khỏi Hội do hoạt động trái với Điều lệ và Nghị quyết của Hội hoặc không sinh hoạt Hội trong 02 (hai) năm liên tục, không đóng hội phí; mất quyền công dân, vi phạm pháp luật;

c) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục khai trừ hội viên ra khỏi Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Hội viên bị khai trừ được khôi phục sinh hoạt Hội khi:

a) Đã được khôi phục quyền công dân;

b) Có đơn xin trở lại sinh hoạt Hội và được Ban Chấp hành Hội xem xét và ra quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng.
6. Các ban chức năng, Hội đồng chuyên môn.
7. Chi hội thuộc Hội.
8. Các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ toàn quốc hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ toàn quốc (toàn thể hoặc đại biểu) được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội toàn thể được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức có mặt hoặc Đại hội đại biểu khi có ít nhất có $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) số đại biểu chính thức tham gia Đại hội có mặt.

2. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất có $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên của Hội yêu cầu.

3. Nhiệm vụ của Đại hội

- a) Kiểm tra tư cách đại biểu được bầu hoặc được chỉ định. Những hội viên vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Hội thì sẽ bị xoá tư cách đại biểu;
- b) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;
- c) Thảo luận thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);
- d) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, của Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;
- đ) Quyết định số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và bầu Ban Chấp hành, bầu Ban Kiểm tra Hội;
- e) Thảo luận nội dung liên quan đến sự nghiệp phát triển văn học nước nhà;
- g) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động 05 (năm) năm tới;
- h) Các nội dung khác (nếu có);
- i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức (đối với Đại hội toàn thể) và $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) đại biểu (đối với Đại hội đại biểu) có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

5. Thẻ thức bầu, bãi miễn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc

- a) Các đại biểu dự Đại hội toàn quốc là đại biểu chính thức được bầu từ Đại hội cơ sở. Mỗi hội viên chỉ được tham dự ở một Đại hội cơ sở nơi hội viên đó sinh hoạt và có quyền ứng cử và đề cử;
- b) Đại biểu đương nhiên gồm các uỷ viên Ban Chấp hành đương nhiệm;
- c) Số lượng đại biểu chính thức và dự khuyết được phân bổ cho các cơ sở theo tỷ lệ chung do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Ban Chấp hành và Ban tổ chức Đại hội có quyền chỉ định một số hội viên của Hội đến dự Đại hội. Các đại biểu chỉ định không quá 5% (năm phần trăm) tổng số đại biểu chính thức dự Đại hội;
- đ) Trường hợp tổ chức Đại hội toàn thể, Ban Chấp hành có quyền không triệu tập những hội viên vi phạm Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật (đang bị điều tra) chưa có quyết định đình chỉ sinh hoạt Hội theo đề nghị của Ban Kiểm tra.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, uỷ viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số uỷ viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/5 (một phần năm) so với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số uỷ viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Uỷ viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) uỷ viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Trong nhiệm kỳ, việc bãi miễn Chủ tịch Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành tán thành bằng phiếu kín. Ban Chấp hành Hội bầu Chủ tịch Hội thay thế trong số các uỷ viên Ban Thường vụ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc uỷ quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số Uỷ viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Kiểm tra Hội do Đại hội quyết định. Trưởng ban Kiểm tra phải là uỷ viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội, các quy chế của Hội trong các hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi tới Hội;

c) Kiểm tra hoạt động kinh tế, tài chính của Hội;

d) Kiểm tra tư cách hội viên, việc thực hiện Điều lệ và các quy định của Hội đối với hội viên;

đ) Ban Kiểm tra Hội báo cáo kết quả kiểm tra trong các kỳ họp Ban Chấp hành Hội. Khi cần thiết có thể thông báo đến từng hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành quy định, tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội ban hành. Văn phòng Hội là bộ phận thường trực giúp việc cho

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội điều hành các hoạt động của Hội.

2. Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. Hội được đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật để triển khai công tác của Hội. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của văn phòng đại diện Hội do Ban Thường vụ Hội ban hành theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Hội đồng chuyên môn

1. Hội đồng chuyên môn là tổ chức thuộc Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập, có nhiệm vụ giúp Ban Chấp hành về lĩnh vực chuyên môn. Hội đồng chuyên môn gồm các bộ môn: văn, thơ, lý luận phê bình, dịch văn học.

2. Hội đồng chuyên môn gồm những nhà văn có trình độ chuyên môn tiêu biểu, công tâm, có khả năng thẩm định, tư vấn cho lãnh đạo Hội những vấn đề về giá trị tác phẩm và những vấn đề lớn thuộc công tác chuyên môn.

3. Số lượng các Hội đồng chuyên môn do Ban Chấp hành Hội quyết định và bầu bằng phiếu kín.

4. Chủ tịch Hội đồng bộ môn do Ban Chấp hành Hội quyết định bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng.

5. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng chuyên môn do Ban Chấp hành Hội quy định.

6. Việc miễn nhiệm hoặc bổ sung uỷ viên Hội đồng chuyên môn phải được sự nhất trí của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số uỷ viên Ban Chấp hành Hội bằng phiếu kín.

Điều 20. Chi hội, ban chức năng và các tổ chức thuộc Hội

1. Chi hội là tổ chức cơ sở thuộc Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, do Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội và cấp uỷ địa phương. Mỗi tỉnh, thành phố, cơ quan có từ 03 (ba) hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội. Chi hội có nhiệm vụ như sau:

a) Triển khai các kế hoạch công tác của Ban Chấp hành Hội; tham gia các hoạt động văn học do địa phương tổ chức;

b) Tham gia giới thiệu hội viên mới; giới thiệu nhân sự thuộc các lĩnh vực: đi thực tế, dự trại sáng tác, đối ngoại;

c) Thu hội phí của hội viên trong Chi hội và được quyền sử dụng hội phí đó vào hoạt động của Chi hội theo Quy chế quản lý và sử dụng tài chính của Hội;

d) Ban Chấp hành Chi hội do Đại hội Chi hội bầu. Nhiệm kỳ của Đại hội Chi hội là 05 (năm) năm. Số lượng Ban Chấp hành Chi hội do Đại hội Chi hội quyết định trên cơ sở số lượng hội viên. Trường hợp tổ chức Đại hội Chi hội giữa nhiệm kỳ phải được sự đồng ý của Ban Chấp hành Hội. Người đứng đầu Ban Chấp hành Chi hội là Chi hội trưởng.

2. Theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập các ban chức năng và các tổ chức trực thuộc Hội. Các ban chức năng và các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội về hoạt động thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách, hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định. Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của các Ban chức năng và tổ chức trực thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao);
- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của Hội được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước là tài sản công.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.
3. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
4. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội, có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội, vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Nhà văn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Nhà văn Việt Nam gồm có 08 (tám) Chương và 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ X (2020 - 2025) thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.